

Số: 2228/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu báo giá mua sắm vật tư y tế phục vụ
công tác khám, chữa bệnh lần 3 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh lần 3 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: *Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh*).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Đào Thị Thuý – Phụ trách khoa – Phó trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0981519799;

Hoặc Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0936821266;

Email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: *Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh*).

- Nhận qua email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ 7h30 ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến trước 16h30 ngày 14 tháng 8 năm 2025.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.



II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh lần 3, (Chi tiết phụ lục I đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Địa điểm cung cấp tại Kho vật tư y tế Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 24 tháng.

4. Các thông tin khác: *Mẫu báo giá chi tiết tại Phụ lục II đính kèm.*

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KSNK.

[Signature]

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Việt



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 2228/TB - BVT ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
1	Kim sinh thiết tủy xương	Cái	Dùng để sinh thiết mô xương. Tối thiểu có cỡ 8G. Tối thiểu có chiều dài 10cm.	200
2	Kim chọc tủy xương	Cái	Kim chọc tủy xương Tối thiểu có cỡ 16G. Có thể điều chỉnh được độ dài kim.	500
3	Ống hút nước bọt nha khoa	Cái	Ống hút nước bọt nha khoa	11.000
4	Đầu mổ Amidan	Cái	Đầu mổ Amidan Tương thích với Dao mổ điện (Dao mổ điện Plasma), Model: ARS700, Hãng Jiangsu Bonss Medical Technology Co., LTD	50
5	Đầu nạo V.A	Cái	Đầu nạo V.A Tương thích với Dao mổ điện (Dao mổ điện Plasma), Model: ARS700, Hãng Jiangsu Bonss Medical Technology Co., LTD	80
6	Bóng bóp ambu sơ sinh	Bộ	Cấu hình chi tiết tối thiểu 1 bộ gồm có: - Bóng bóp thể tích: 280ml (± 100 ml). - Mặt nạ. - Túi chứa khí. - Dây nối oxy.	7
7	Bóng bóp ambu trẻ em	Bộ	Cấu hình chi tiết tối thiểu 1 bộ gồm có: - Bóng bóp thể tích: 550ml (± 200 ml). - Mặt nạ. - Túi chứa khí. - Dây nối oxy.	14
8	Bóng bóp ambu người lớn	Bộ	Cấu hình chi tiết tối thiểu 1 bộ gồm có: - Bóng bóp thể tích: 1.500ml (± 200 ml). - Mặt nạ. - Túi chứa khí. - Dây nối oxy.	45

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
9	Bóng bóp ambu người lớn Silicone	Bộ	Cấu hình chi tiết tối thiểu 1 bộ gồm có: - Bóng bóp chất liệu Silicone thể tích: 1.500ml (± 200 ml). - Mặt nạ chất liệu Silicone. - Túi chứa khí chất liệu Silicone. - Dây nối oxy.	30
10	Bộ đèn đặt nội khí quản	Bộ	Bộ đèn đặt NKQ ánh sáng lạnh led. Bóng đèn Led lắp vào đầu cán đèn. Lưỡi cong có sợi quang dẫn sáng. Lưỡi đèn dùng nhiều lần có thể tiệt khuẩn $\geq 121^{\circ}\text{C}$ độ C. Đủ các cỡ (MAC) 1, 2, 3, 4, 5.	8
11	Buồng tiêm tĩnh mạch cấy dưới da	Cái	Bộ sản phẩm tối thiểu gồm: - Buồng tiêm cấy ghép - Ống thông (catheter) - 01 kim chọc - 01 que nong da hoặc dụng cụ mở đường - 01 dây dẫn - 01 kim huber - Kích thước: từ 6F đến 8,5F	150
12	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu loại dung tích khoang chứa máu 15ml	Bộ	1 bộ gồm tối thiểu: - Có 3 khoang khép kín: - 01 khoang chứa PRP - 01 khoang chứa Plasma - 01 khoang chứa RBC - Có ≥ 02 khóa chốt: - 01 chốt khóa PRP - 01 chốt khóa RBC - Có ≥ 02 nắp khoang: - 01 nắp khoang chứa PRP - 01 nắp khoang chứa RBC - Có đi kèm bơm máu và thông khí riêng biệt. - Có điều chỉnh được mật độ PRP từ 1cc đến 4cc - Dung tích khoang chứa máu ≥ 15 ml	500

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
13	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu loại dung tích khoang chứa máu 30ml	Bộ	1 bộ gồm tối thiểu: - Có 3 khoang khép kín: - 01 khoang chứa PRP - 01 khoang chứa Plasma - 01 khoang chứa RBC - Có ≥ 02 khóa chốt: - 01 chốt khóa PRP - 01 chốt khóa RBC - Có ≥ 02 nắp khoang: - 01 nắp khoang chứa PRP - 01 nắp khoang chứa RBC - Có điểm bơm máu và thông khí riêng biệt. - Có điều chỉnh được mật độ PRP từ 1cc đến 4cc - Dung tích khoang chứa máu ≥ 30 ml	200
14	Tay dao điện	Cái	Kiểu giắc cắm: 3 chân. Dây dài: ≥ 2m. Trên thân tay dao có hai nút bấm: Cắt và đốt. Lưỡi dao. Tiệt trùng.	8.000
15	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ (dùng trong phẫu thuật mổ nội soi)	Miếng	Lưới/Mảnh ghép thoát vị. Chiều rộng: ≥ 6cm. Chiều dài: ≥ 11cm. Chất liệu: Monofilament Polypropylene hoặc Polypropylene hoặc Polyester. Tiêu chuẩn: CE(Conformite Europeenne) hoặc CFS(Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS(Certificate of Free Sale) G7 hoặc FDA (Food and Drug Administration)	450
16	Hộp lồng vô khuẩn	Cái	Đường kính: ≥ 90mm. Chất liệu: Nhựa. Tiệt trùng.	77.000
17	Xà phòng khử khuẩn	Lít	Dạng dung dịch có chứa chloherxidine (1%-2%) hoặc iodine. Đóng gói từ 0.5 lít đến 1 lít/chai.	3.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
18	Bộ đo huyết áp xâm lấn động mạch 1 đường	Bộ	Sử dụng đo huyết áp động mạch xâm lấn Dải đo huyết áp -30 mmHg đến 300 mmHg Bảo vệ quá áp: Từ -400 mmHg đến + 4000 mmHg	2.300
19	Giấy in monitor sản khoa	Xấp	Giấy monitor sản khoa Kích thước: dài 150mm (±20mm) x rộng 100mm (±10mm) x ≥ 150 tờ (sheets)	900
20	Giấy in nhiệt siêu âm	Cuộn	Chiều rộng: 110mm (±5mm). Chiều dài ≥ 20m. Dùng cho máy siêu âm đen trắng.	700
21	Muối viên tinh khiết	Kg	Thành phần: NaCl ≥ 99%	13.000
22	Chỉ thị hóa học cho máy EO	Miếng	Có vạch Chỉ thị hoá học đổi màu sau tiệt trùng. Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn khí EO (Ethylene oxide).	2.700
23	Chỉ thị hóa học dùng cho hấp ướt	Cái	Que có chất chỉ thị hóa học. Thay đổi màu sau khi tiệt khuẩn. Sử dụng cho hấp ướt.	12.000
24	Bao cao su	Cái	Bao cao su. Chất liệu: Cao su tự nhiên.	11.500
25	Nén viên tinh khiết	Kg	Dạng sáp. Nhiệt độ nóng chảy: ≤ 58°C	450
26	Cassettes bệnh phẩm có nắp	Cái	Cassettes (Khuôn đúc) bệnh phẩm. Có nắp. Có lỗ.	94.000
27	Lưỡi dao cắt bệnh phẩm	Cái	Dùng cho cắt lạnh và cắt tiêu bản thường. Cam kết sử dụng được với Máy cắt tiêu bản bán tự động AEM 450, Hãng Amos Scientific.	1.200
28	Keo dán sinh học Histoacryl	Ống/lọ	Kéo dán sinh học dùng cho nút tắc mạch.	460
29	Bơm tiêm thuốc cân quang phù hợp với bơm tiêm điện Liebel-Flarsheim OptiOne	Cái	Bao gồm: - Bơm tiêm. - Ống lấy thuốc. - Dây áp lực (dây xoắn) ≥ 150cm. Đồng bộ với bơm tiêm điện Liebel-Flarsheim OptiOne.	700

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
30	Bơm tiêm thuốc cân quang phù hợp với bơm tiêm điện Medrad Salient	Cái	Bơm tiêm thuốc cân quang phù hợp với máy Medrad Salient bao gồm: - Đầu bơm. - Pittong. - Xy lanh. - Nắp.	800
31	Dây nối bơm tiêm cân quang chữ T (phù hợp với bơm tiêm điện Medrad Salient)	Cái	Dây nối bơm tiêm cân quang bao gồm: - Dây nối dài $\geq 150\text{cm}$. - Đầu nối chữ T.	800
32	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi có chứa Polypropylene số 0	Sợi	- Chỉ số 0: + Liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene. + Chiều dài: $\geq 75\text{cm}$. - Kim: + Chiều dài: 40mm. - Tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	120
33	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi có chứa Polypropylene số 2/0	Sợi	- Chỉ 2/0: + Liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene. + Chiều dài: $\geq 90\text{cm}$. - 2 kim: + Chiều dài: 26mm. - Tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	280
34	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi có chứa Polypropylene số 3/0	Sợi	- Chỉ 3/0: + Liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene. + Chiều dài: $\geq 90\text{cm}$. - 2 kim: + Chiều dài: 26mm. - Tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	380

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
35	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi có chứa Polypropylene số 4/0	Sợi	- Chỉ 4/0: + Liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene. + Chiều dài: $\geq 90\text{cm}$. - 02 Kim: + Chiều dài: từ 17mm đến 26mm. - Tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	5.400
36	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi có chứa Polypropylene số 6/0	Sợi	- Chỉ 6/0: + Liền kim không tiêu đơn sợi, đơn chất hoặc phức hợp có chứa Polypropylene. + Chiều dài: $\geq 60\text{cm}$. - Kim: + Chiều dài: Từ 9mm đến 13mm. - Tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	700
37	Chỉ khâu tự tiêu đơn sợi có gai trong mô thoát vị bẹn	Sợi	- Chỉ: + Chỉ tự tiêu đơn sợi có gai (dạng không buộc hoặc không thắt nút). + Chiều dài: $\geq 30\text{cm}$. - Kim: + Chiều dài: 26mm đến 36mm. - Tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Châu Âu)	120
38	Chỉ khâu liền kim không tiêu đa sợi chất liệu polyester 4/0	Sợi	- Chỉ số 4/0: + Chỉ khâu liền kim không tiêu đa sợi có chứa polyester. + Chiều dài: $\geq 45\text{cm}$, - 2 kim: + Chiều dài: 6mm đến 8mm, 1/4 vòng tròn.	240

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
39	Chỉ khâu liền kim tự tiêu đa sợi 6/0	Sợi	- Chỉ 6/0: + Chỉ khâu liền kim tự tiêu đa sợi. + Chiều dài: $\geq 45\text{cm}$. + Thời gian tiêu hoàn toàn ≥ 55 ngày. - 2 Kim phủ silicon: + Chiều dài: 8mm đến 13mm. - Tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Châu Âu)	1.000
40	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide (Nylon) số 10/0	Sợi	- Chỉ 10/0: + Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide (Nylon) hoặc Silk. + Chiều dài: $\geq 30\text{cm}$. - 02 Kim, phủ silicon: + Chiều dài: 6mm đến 7mm. - Tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Châu Âu)	1.000



Phụ lục 2
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ
(Kèm theo Thông báo số 2228/TB - BVT ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)



Tên nhà thầu: Công ty
Địa chỉ liên hệ:.....
Điện thoại DD.....
Email:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá theo thông báo số 2228/TB - BVT ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT (1)	STT Thông báo mời BG (2)	Danh mục thiết bị y tế (3)	Ký, mã, nhãn hiệu, model (4)	Mã VTYT (Theo QĐ 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc theo TT 04 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017) (5)	Thông số kỹ thuật (6)	Số đăng ký lưu hành (7)	Đạt tiêu chuẩn (8)	Mã HS (9)	Phân loại TTBYT (A,B,C,D) (10)	Năm sx (11)	Hãng/ nước chủ sở hữu (12)	Hãng/Nước sản xuất (13)	Quy cách đóng gói (14)	Đơn vị tính (15)	Số lượng (16)	Đơn giá (VND) (17)	Thành tiền (VND) (18)	Kết quả trúng thầu 12 tháng gần nhất (Giá trúng thầu/Số QĐ/ ngày tháng năm/ đơn vị ra QĐ) (19)
1																		
2																		

Ghi chú:

(4) ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(6) ghi cụ thể thông số kỹ thuật của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(17) là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (Bao gồm thuế, phí, lệ phí, dụng cụ phụ trợ đi kèm đảm bảo thực hiện được kỹ thuật và dịch vụ liên quan (nếu có).

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2025 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày] .
2. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo Giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu)